

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~612~~ /SYT-NVD

V/v Thống nhất thời gian và DM
thuốc sử dụng kết quả đấu thầu.

Hà Giang, ngày ~~08~~ tháng 5 năm 2017

*Giáo cho
1Chưa chưa
nghĩa cần theo dõi*

Kính gửi:

- Các bệnh viện trong toàn tỉnh;
- Trung tâm y tế các huyện, thành phố;
- Phòng khám ĐK Đức Minh;
- Ban bảo vệ sức khỏe tỉnh.

Căn cứ kết quả làm việc giữa BHXH và Sở Y tế tại thông báo số 29/TB-SYT ngày 31/3/2017. Sở Y tế nhắc lại nội dung thống nhất thời gian thanh toán chi phí thuốc BHYT đối với kết quả đấu thầu như sau:

1. Các thuốc của kết quả đấu thầu năm 2014 trở về trước còn tồn tại các cơ sở KCB, BHXH sử dụng đến hết quý IV/2016.

2. Đối với thuốc thuộc kết quả đấu thầu năm 2015 được sử dụng đến hết **30/4/2017** (trừ thuốc thuộc danh mục thuốc cấp cứu, thuốc ít sử dụng, thuốc chuyên khoa sâu).

- Kể từ 01/5/2017 các cơ sở KCB sử dụng thanh toán BHYT theo kết quả thầu thuốc năm 2016. Thống nhất thời gian thuốc sử dụng cho đối tượng BHYT đối với kết quả đấu thầu năm 2016 là hết ngày **31/3/2018** (trừ thuốc thuộc danh mục thuốc cấp cứu, thuốc ít sử dụng, thuốc chuyên khoa sâu).

3. Danh mục thuốc thuộc danh mục thuốc cấp cứu, thuốc ít sử dụng, thuốc chuyên khoa sâu đã được thống nhất với BHXH tỉnh (*có phụ lục kèm theo*).

Nhận được công văn này, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai tới các khoa phòng, trạm y tế xã để thống nhất thực hiện. Mọi vướng mắc liên hệ Phòng Nghiệp vụ Dược-Sở Y tế; ĐT: 3.868634./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH tỉnh;
- BGD;
- NVY; TTra;
- Lưu VT-NVD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
**SỞ
Y TẾ**
TỈNH HÀ GIANG
Hoàng Thị Chung

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN XÍN MÀN
DANH MỤC THUỐC CẤP CỨU, ÍT SỬ DỤNG THẦU NĂM 2016

ST T	Mã hoạt chất TT40	Hoạt chất	Hàm lượng	Tên thuốc	Đơn vị tính	Đơn giá
1	40.1	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Atropin sulfat	Ống	460
2	40.2	Bupivacaine hydrochloride monohydrate 5mg/ml - 4ml	0.5% (5mg/ml) - 4ml	Marcaine Spinal Heavy Inj 0.5% 4ml x 5's	Ống	37,872
3	40.4	Diazepam	10mg/2ml	Diazepam injection BP 10mg	Ống	7,720
4	40.4	Diazepam	5mg/viên	Seduxen 5mg	Viên	647
5	40.6	Fentanyl	0,1mg/2ml	Fentanyl	Ống	13,500
6	40.9	Isofluran	100ml	Forane 100ml	Chai	544,700
7	40.12	Lidocain (hydroclorid)	2%/10ml	Lidocain 2%10ml	Ống	16,275
8	40.16	Morphin (hydroclorid)	10mg/1ml	Morphin HCL 0,01g	Ống	4,500
9	40.18	Pethidin	100mg/2ml	Dolcontral 100mg/2ml	Ống	16,800
10	40.21	Propofol	200mg/20ml	Propofol 1% Kabi	Ống	74,900
11	40.59	Allopurinol	300mg	Milurit	Viên	1,930
12	40.61	Colchicin	1mg	Colchicin	Viên	350
13	40.84	Diphenhydramin	10mg/1ml	Dimedrol	Ống	510
14	40.86	Epinephrin (adrenalin)	1mg/1ml	Adrenalin	Ống	2,020
15	40.105	Ephedrin (hydroclorid)	30mg	Ephedrine Aguettant 30mg/ml	Ống	57,750
16	40.114	Naloxon (hydroclorid)	0,4mg/ml	BFS-Naloxone	Ống	29,400

ST T	Mã hoạt chất TT40	Hoạt chất	Hàm lượng	Tên thuốc	Đơn vị tính	Đơn giá
17	40.116	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1,4%/250ml	Natri bicarbonat 1,4%	Chai	32,000
18	40.136	Phenobarbital	10mg	Gardenal 10mg	Viên	140
19	40.444	Ethamsylat	250mg/2ml	Bivibact 250	Ống	13,235
20	40.445	Heparin (natri)	25.000UI/5ml	Heparin 25000UI 5ml	Lọ	94,500
21	40.448	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Vinphyton	Ống	1,491
22	40.451	Tranexamic acid	250mg/5ml	Cammic	Ống	3,780
23	40.467	Gelatin Succinylated 4%	4%500ml	Gelofusine	Chai	115,983
24	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	2,6mg	Nitromint	Viên	1,600
25	40.487	Propranonol	40mg	Dorocardyl	viên	450
26	40.532	Digoxin	0,25mg	Digoxin	viên	1,155
27	40.534	Dopamin (hydroclorid)	200mg/5ml	Dopamin 200mg 5ml	Ống	19,950
28	40.561	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	2152mg/10ml	Cerebrolysin 10ml	Ống	109,935
29	40.567	Kali clorid	500mg	Kalium chloratum biomedica	Viên	1,500
30	40.567	Kali clorid	500mg/5ml	Kali clorid 10%	Ống	2,205
31	40.603	Dexpanthenol (panthenol, vitamin	130g	Panthenol	Lọ	99,400
32	40.659	Furosemid	20mg/2ml	Vinzix	Ống	1,470
33	40.659	Furosemid	40mg	Vinzix	Viên	126
34	40.700	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml	Paparin	Ống	4,600
35	40.795	Progesteron	25mg	Progesteron	Ống	23,500
36	40.832	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/1ml	BFS-Neostigmine 0.5	Ống	6,825

ST T	Mã hoạt chất TT40	Hoạt chất	Hàm lượng	Tên thuốc	Đơn vị tính	Đơn giá
37	40.838	Rocuronium Bromide 10mg/ml	10mg/ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Lọ	71,900
38	40.918	Methyl ergometrin (maleat)	0,2mg/1ml	Methyl Ergometrin 0,2mg 1ml	Ống	14,400
39	40.919	Oxytocin	5ui/ml	Ofost	Ống	3,150
40	40.919	Oxytocin	5UI/1ml	Oxylpan	Ống	1,700
41	40.943	Aminazin	0,25mg	Aminazin	Ống	1,250
42	40.971	Aminophyllin	4,8%	Diaphyllin	ống	10,872
43	40.980	Salbutamol (sulfat)	0,5mg/1ml	Vinsalmol	Ống	2,625
44	40.980	Salbutamol	2,5mg/2,5ml	Hivent	Ống	3,550
45	40.1014	Calci clorid	500mg/5ml	Calci clorid	Ống	1,150
46	40.1018	Magnesi sulfat	750mg/5ml	Magnesi-BFS 15%	Ống	3,700
47	40.1020	Manitol	20%/250ml	Mannitol	Chai	21,000
48	40.1020	Manitol	20%/500ml	Mannitol	Chai	26,000

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Sin Đức Văn